

**BỘ ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1 MÔN SINH LỚP 10 CÓ ĐÁP ÁN  
NĂM 2020-2021**

**1. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 1  
TRƯỜNG THPT HOÀNG HOA THÁM  
ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1  
MÔN SINH HỌC 10  
Năm học 2020-2021**

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

**Câu 1.** Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là

- A. các đại phân tử.
- B. tế bào.**
- C. mô.
- D. cơ quan.

**Câu 2.** Căn cứ chủ yếu để coi tế bào là đơn vị cơ bản của sự sống là

- A. chúng có cấu tạo phức tạp.
- B. chúng được cấu tạo bởi nhiều bào quan.
- C. ở tế bào có các đặc điểm chủ yếu của sự sống.**
- D. cả A, B, C.

**Câu 3.** Tác giả của hệ thống 5 giới sinh vật được nhiều nhà khoa học ủng hộ và hiện nay vẫn được sử dụng là

- A. Linnê.
- B. Lơvenhuc.
- C. Hacken.
- D. Uytakơ.**

**Câu 4.** Các tiêu chí cơ bản của hệ thống 5 giới bao gồm

- A. khả năng di chuyển, cấu tạo cơ thể, kiểu dinh dưỡng .
- B. loại tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, kiểu dinh dưỡng.**
- C. cấu tạo tế bào, khả năng vận động, mức độ tổ chức cơ thể.
- D. trình tự các nuclêotit, mức độ tổ chức cơ thể.

**Câu 5.** Giới nguyên sinh bao gồm

- A. vi sinh vật, động vật nguyên sinh.

B. vi sinh vật, tảo, nấm, động vật nguyên sinh .

C. tảo, nấm, động vật nguyên sinh.

**D.** tảo, nấm nhày, động vật nguyên sinh.

**Câu 6.** Bốn nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống là:

A. C, H, O, P.

**B.** C, H, O, N.

C. O, P, C, N.

D. H, O, N, P.

**Câu 7.** Cacbon là nguyên tố hoá học đặc biệt quan trọng trong việc tạo nên sự đa dạng của các đại phân tử hữu cơ vì cacbon

A. là một trong những nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống.

B. chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ thể sống.

**C.** có cấu hình điện tử vòng ngoài với 4 điện tử (cùng lúc tạo nên 4 liên kết cộng hoá trị với nguyên tử khác).

D. Cả A, B, C.

**Câu 8.** Các nguyên tố vi lượng thường cần một lượng rất nhỏ đối với thực vật vì

A. phần lớn chúng đã có trong các hợp chất của thực vật.

**B.** chức năng chính của chúng là hoạt hoá các emzym.

C. chúng đóng vai trò thứ yếu đối với thực vật.

D. chúng chỉ cần cho thực vật ở một vài giai đoạn sinh trưởng nhất định.

**Câu 9.** Phần lớn các nguyên tố đa lượng cấu tạo nên

A. lipit, enzym.

B. prôtêin, vitamin.

**C.** đại phân tử hữu cơ.

D. glucôzơ, tinh bột, vitamin.

**Câu 10.** Khi chăm sóc cây trồng người ta thấy có hiện tượng ở đầu lá và mép lá bị hoá trắng sau đó hoá đen, phiến lá bị uốn cong rồi xoắn lại đây là hiện tượng thiếu nguyên tố khoáng

A. kali.

**B.** can xi.

C. magie.

D. photpho.

**Câu 11.** Khi cây trồng thiếu photpho sẽ dẫn tới

- A.** tốc độ hút  $O_2$  bị giảm thay đổi hoạt tính enzym trong hô hấp, các hợp chất photpho hữu cơ và polisacarit bị phân giải, ngưng trệ tổng hợp protein và các nucleotit tự do.
- B. giảm năng suất quang hợp, trước hết giảm tốc độ dung chất đồng hoá từ lá.
- C. ức chế quá trình tạo các hợp chất photpho hữu cơ gây hiện tượng tăng lượng monosacarit, ức chế sinh tổng hợp polisacarit, hoạt động của bộ máy tổng hợp protein kém hiệu quả, Ribosome bị phân giải, sự hình thành lục lạp bị hư hại.
- D. hiện tượng ở đầu lá và mép lá bị hoá trắng sau đó hoá đen, phiến lá bị uốn cong rồi xoắn lại.

**Câu 12.** Nguyên tố quan trọng trong việc tạo nên sự đa dạng của vật chất hữu cơ là

- A.** Cacbon.
- B. Hydro.
- C. Oxy.
- D. Nitơ.

**2. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 2**

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN NGHIÊM**

**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**

**MÔN SINH HỌC 10**

**Năm học 2020-2021**

**Câu 1.** Nước là dung môi hoà tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

- A. nhiệt dung riêng cao.
- B. lực gắn kết.
- C. nhiệt bay hơi cao.
- D.** tính phân cực.

**Câu 2.** Nước đá có đặc điểm

- A. các liên kết hydro luôn bị bẻ gãy và tái tạo liên tục.
- B. các liên kết hydro luôn bị bẻ gãy nhưng không được tái tạo.
- C.** các liên kết hydro luôn bền vững và tạo nên cấu trúc mạng.
- D. không tồn tại các liên kết hydro.

**Câu 3.** Các tính chất đặc biệt của nước là do các phân tử nước

- A. rất nhỏ.

B. có xu hướng liên kết với nhau.

**C.** có tính phân cực.

D. dễ tách khỏi nhau.

**Câu 4.** Ôxi và Hidrô trong phân tử nước kết hợp với nhau bằng các liên kết

A. tĩnh điện.

**B.** cộng hoá trị

C. hiđrô.

D. este.

**Câu 5.** Nước là dung môi hoà tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

A. nhiệt dung riêng cao.

B. lực gắn kết.

C. nhiệt bay hơi cao.

**D.** tính phân cực.

**Câu 6.** Nước có tính phân cực do

A. cấu tạo từ oxi và hiđrô.

B. electron của hiđrô yếu.

**C.** 2 đầu có tích điện trái dấu.

D. các liên kết hiđrô luôn bền vững

**Câu 7.** Khi trời bắt đầu đổ mưa, nhiệt độ không khí tăng lên chút ít là do

A. nước liên kết với các phân tử khác trong không khí giải phóng nhiệt.

**B.** liên kết hiđro giữa các phân tử nước được hình thành đã giải phóng nhiệt.

C. liên kết hiđro giữa các phân tử nước bị phá vỡ đã giải phóng nhiệt.

D. sức căng bề mặt của nước tăng cao.

**Câu 8.** Những giới sinh vật thuộc nhóm sinh vật nhân thực là

A. Giới khởi sinh, giới nấm, giới thực vật, giới động vật.

**B.** Giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm, giới động vật.

C. Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới nấm.

D. Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới thực vật, giới động vật.

**Câu 9.** Giới động vật gồm những sinh vật

**A.** đa bào, nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.

- B. đa bào, một số đơn bào, dị dưỡng, có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.
- C. đa bào, nhân thực, dị dưỡng, một số không có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.
- D. đa bào, một số tập đoàn đơn bào, nhân thực, dị dưỡng, có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.

**Câu 10.** Giới thực vật gồm những sinh vật

- A. đa bào, nhân thực, tự dưỡng, một số dị dưỡng, có khả năng phản ứng chậm.
- B. đa bào, nhân thực, phần lớn tự dưỡng, có khả năng phản ứng chậm.
- C. đa bào, một số loại đơn bào, nhân thực, tự dưỡng, một số dị dưỡng, có khả năng phản ứng chậm.
- D.** đa bào, nhân thực, tự dưỡng, có khả năng phản ứng chậm.

**Câu 11.** Nấm men thuộc giới

- A. khởi sinh.
- B. nguyên sinh.
- C.** nấm.
- D. thực vật.

**Câu 12.** Địa y là sinh vật thuộc giới

- A. khởi sinh.
- B. nấm.
- C. nguyên sinh.
- D.** thực vật.

**3. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 3**

**TRƯỜNG THPT LÊ THÁNH TÔNG**

**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**

**MÔN SINH HỌC 10**

**Năm học 2020-2021**

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

**Câu 1.** Giới khởi sinh gồm

- A. virus và vi khuẩn lam.
- B. nấm và vi khuẩn.
- C.** vi khuẩn và vi khuẩn lam.
- D. tảo và vi khuẩn lam.

**Câu 2.** Vi sinh vật bao gồm các dạng

- A. vi khuẩn, vi sinh vật cổ, vi trùng, vi rút.
- B. vi khuẩn cổ, vi rút, vi tảo, vi nấm, động vật nguyên sinh .
- C. vi khuẩn, vi sinh vật cổ, vi rút, nấm .
- D.** vi khuẩn, vi sinh vật cổ, vi nấm, vi tảo, động vật nguyên sinh .

**Câu 3.** Ngành thực vật đa dạng và tiến hoá nhất là ngành

- A. Rêu.
- B. Quyết.
- C. Hạt trần.
- D.** Hạt kín.

**Câu 4.** Ngành thực vật có thể giao tử chiếm ưu thế so với thể bào tử là ngành

- A.** Rêu.
- B. Quyết.
- C. Hạt trần
- D. Hạt kín.

**Câu 5.** Nguồn gốc chung của giới thực vật là

- A. vi tảo.
- B.** tảo lục.
- C. tảo lục đơn bào.
- D. tảo lục đa bào nguyên thủy.

**Câu 6.** Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt ngành động vật có xương sống với động vật không xương sống là

- A. cơ thể đối xứng 2 bên và có bộ xương ngoài.
- B. cơ thể đối xứng 2 bên và có bộ xương trong.
- C. có bộ xương trong và bộ xương ngoài.
- D.** có bộ xương trong và cột sống.

**Câu 7.** Nguồn gốc chung của giới động vật là

- A. tảo lục đơn bào nguyên thủy.
- B. động vật đơn bào nguyên thủy.
- C. động vật nguyên sinh.

D. động vật nguyên sinh nguyên thủy.

**Câu 8.** Đặc điểm của vi khuẩn, xạ khuẩn là

- A. Thuộc nhóm nhân sơ.
- B. Sinh sản bằng bào tử.
- C. Phagơ có thể xâm nhập vào cơ thể.
- D. Hình thành hợp tử từng phần.

**Câu 9.** Các cấp tổ chức cơ bản của thế giới sống bao gồm

1. quần xã, 2. quần thể, 3. cơ thể, 4. hệ sinh thái, 5. tế bào

Các cấp tổ chức đó theo trình tự từ nhỏ đến lớn là...

A. 5->3->2->1->4.

B. 5->3->2->1->4.

C. 5->2->3->1->4.

D. 5->2->3->4->1.

**Câu 10.** Các cấp tổ chức của thế giới sống đều là những hệ mở vì

- A. có khả năng thích nghi với môi trường.
- B. thường xuyên trao đổi chất với môi trường.
- D. phát triển và tiến hoá không ngừng.

**Câu 11.** Sự sống được tiếp diễn liên tục là nhờ

- A. khả năng cảm ứng đặc biệt của sinh vật.
- B. khả năng tự điều chỉnh cân bằng nội môi.
- C. khả năng tiến hoá thích nghi với môi trường sống.

D. sự truyền thông tin trên ADN từ tế bào này sang tế bào khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

**Câu 12.** Tập hợp các sinh vật sống ở rừng Quốc gia Cúc Phương là

- A. quần thể sinh vật.
- B. cá thể sinh vật.
- C. cá thể và quần thể.
- D. quần xã sinh vật.

**4. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 4**

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐIỀU**

**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**  
**MÔN SINH HỌC 10**  
**Năm học 2020-2021**

Chọn phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất:

**Câu 1.** Trong các nguyên tố sau, nguyên tố chiếm số lượng ít nhất trong cơ thể người là

- A. ni tơ.
- B. các bon.
- C. hiđrô.
- D. phốt pho.**

**Câu 2.** Các chức năng của cacbon trong tế bào là

- A. dự trữ năng lượng, là vật liệu cấu trúc tế bào.**
- B. cấu trúc tế bào, cấu trúc các enzym.
- C. điều hoà trao đổi chất, tham gia cấu tạo tế bào chất.
- D. thu nhận thông tin và bảo vệ cơ thể.

**Câu 3.** Nước có vai trò quan trọng đặc biệt với sự sống vì

- A. cấu tạo từ 2 nguyên tố chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ thể sống.
- B. chúng có tính phân cực.
- C. có thể tồn tại ở nhiều dạng vật chất khác nhau.
- D. chiếm thành phần chủ yếu trong mọi tế bào và cơ thể sống.**

**Câu 4.** Những con rùa ở hồ Hoàn Kiếm là

- A. quần thể sinh vật.**
- B. cá thể sinh vật.
- C. cá thể và quần thể.
- D. quần xã và hệ sinh thái.

**Câu 5.** Thế giới sinh vật được phân loại thành các nhóm theo trình tự lớn dần là

- A. giới - ngành - lớp - bộ - họ - chi - loài.
- B. loài - bộ - họ - chi - lớp - ngành - giới.
- C. loài - chi - họ - bộ - lớp - ngành - giới.**
- D. loài - chi - bộ - họ - lớp - ngành - giới.



**Câu 6.** Cacbon là nguyên tố hoá học đặc biệt quan trọng trong việc tạo nên sự đa dạng của các đại phân tử hữu cơ vì cacbon

A. là một trong những nguyên tố chính cấu tạo nên chất sống.

B. chiếm tỷ lệ đáng kể trong cơ thể sống.

**C.** có cấu hình điện tử vòng ngoài với 4 điện tử (cùng lúc tạo nên 4 liên kết cộng hoá trị với nguyên tử khác).

D. Cả A, B, C.

**Câu 7.** Thực vật có nguồn gốc từ

A. vi khuẩn.

B. nấm.

**C.** tảo lục đơn bào nguyên thủy.

D. virus.

**Câu 8.** Đặc điểm cơ bản nhất để phân biệt ngành động vật có xương sống với động vật không xương sống là

A. cơ thể đối xứng 2 bên và có bộ xương ngoài.

B. cơ thể đối xứng 2 bên và có bộ xương trong.

C. có bộ xương trong và bộ xương ngoài.

**D.** có bộ xương trong và cột sống.

**Câu 9.** Nguồn gốc chung của giới động vật là

A. tảo lục đơn bào nguyên thủy.

B. động vật đơn bào nguyên thủy.

C. động vật nguyên sinh.

**D.** động vật nguyên sinh nguyên thủy..

**Câu 10.** Ribôxôm định khu

A. trên bộ máy Gôngi.

B. trong lục lạp.

C. trên mạng lưới nội chất hạt.

**D** trên mạng lưới nội chất trơn.

**Câu 11.** Lục lạp là loại bào quan chỉ có ở tế bào

**A.** thực vật.

B. động vật.

C. vi khuẩn.

D. nấm.

**Câu 12.** Các bào quan có axitnucleic là

A. ti thể và không bào.

B. không bào và lizôxôm.

C. lạp thể và lizôxôm.

D. ti thể và lạp thể.

**5. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 5**

**TRƯỜNG THPT TRẦN CAO VÂN**

**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**

**MÔN SINH HỌC 10**

**Năm học 2020-2021**

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

**Câu 1.** Khi tìm kiếm sự sống ở các hành tinh khác trong vũ trụ, các nhà khoa học trước hết tìm kiếm xem ở đó có nước hay không vì

A. nước được cấu tạo từ các nguyên tố đa lượng.

B. nước chiếm thành phần chủ yếu trong mọi tế bào và cơ thể sống, giúp tế bào tiến hành chuyển hoá vật chất và duy trì sự sống.

C. nước là dung môi hoà tan nhiều chất cần thiết cho các hoạt động sống của tế bào.

D. nước là môi trường của các phản ứng sinh hoá trong tế bào.

**Câu 2.** Cacbonhiđrat là hợp chất hữu cơ được cấu tạo bởi các nguyên tố

A. C, H, O, N.

B. C, H, N, P.

C. C, H, O.

D. C, H, O, P.

**Câu 3.** Các bon hiđrát gồm các loại

A. đường đơn, đường đôi.

B. đường đôi, đường đa.

C. đường đơn, đường đa.

D. đường đôi, đường đơn, đường đa.

**Câu 4.** Cacbonhydrat cấu tạo nên màng sinh chất

**A.** chỉ có ở bề mặt phía ngoài của màng nó liên kết với prôtein hoặc lipit đặc trưng riêng cho từng loại tế bào có chức năng bảo vệ.

B. làm cho cấu trúc màng luôn ổn định và vững chắc hơn.

C. là nguồn dự trữ năng lượng cho tế bào.

D. B và C.

**Câu 5.** Các đơn phân chủ yếu cấu tạo nên các loại cacbohyđrat là

A. glucôzơ, fructôzơ, saccarôzơ.

**B.** glucôzơ, fructôzơ, galactôzơ.

C. glucôzơ, galactôzơ, saccarôzơ.

D. fructôzơ, saccarôzơ, galactôzơ.

**Câu 6.** Phospholipit ở màng sinh chất là chất lưỡng cực do đó nó không cho các chất tan

A. trong nước cũng như các chất tích điện đi qua

B. tan trong lipit, các chất có kích thước nhỏ không phân cực không tích điện đi qua.

C. không tan trong lipit và trong nước đi qua.

**D.** cả A và B.

**Câu 7.** Cholesteron ở màng sinh chất

A. liên kết với prôtein hoặc lipit đặc trưng riêng cho từng loại tế bào có chức năng bảo vệ và cung cấp năng lượng.

**B.** có chức năng làm cho cấu trúc màng thêm ổn định và vững chắc hơn.

C. là nguồn dự trữ năng lượng cho tế bào.

D. làm nhiệm vụ vận chuyển các chất, thụ thể thu nhận thông tin.

**Câu 8.** Đặc điểm chung của dầu, mỡ, photpholipit, steroit là

A. chúng đều có nguồn nguyên liệu dự trữ năng lượng cho tế bào.

B. đều tham gia cấu tạo nên màng tế bào.

**C.** đều có ái lực yếu hoặc không có ái lực với nước.

D. Cả A, B, C.

**Câu 9.** Đường mía (saccarotơ) là loại đường đôi được cấu tạo bởi

A. hai phân tử glucozơ.

**B.** một phân tử glucozơ và một phân tử fructozơ.

C. hai phân tử fructozơ.

D. một phân tử glucơ và một phân tử galactozơ.

**Câu 10.** Xenlulozơ được cấu tạo bởi đơn phân là

- A. glucozơ.
- B. fructozơ.
- C. glucozơ và fructozơ.
- D. saccarozơ.

**Câu 11.** Thuật ngữ dùng để chỉ tất cả các loại đường là

- A. tinh bột.
- B. xenlulôzơ.
- C. đường đôi.
- D. cacbohyđrat.

**Câu 12.** Những hợp chất có đơn phân là glucôzơ gồm

- A. tinh bột và saccrôzơ.
- B. glicôgen và saccarôzơ.
- C. saccarôzơ và xenlulôzơ.
- D. tinh bột và glicôgen.

**6. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 6**  
**TRƯỜNG THPT CHÂU VĂN LIÊM**  
**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**  
**MÔN SINH HỌC 10**  
**Năm học 2020-2021**

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

**Câu 1.** Prôtêin có thể bị biến tính bởi

- A. độ pH thấp.
- B. nhiệt độ cao.
- C. sự có mặt của Oxy nguyên tử.
- D. cả A và B.

**Câu 2.** Prôtêin bị mất chức năng sinh học khi

- A. prôtêin bị mất một axitamin.
- B. prôtêin được thêm vào một axitamin.

**C.** cấu trúc không gian 3 chiều của prôtêin bị phá vỡ.

D. cả A và B.

**Câu 3.** Khi các liên kết hiđro trong phân tử protein bị phá vỡ, bậc cấu trúc không gian của protein ít bị ảnh hưởng nhất là

**A.** bậc 1.

B. bậc 2.

C. bậc 3.

D. bậc 4.

**Câu 4.** Chiều xoắn của mạch pôlipeptit trong cấu trúc bậc 2 của đa số prôtêin

A. ngược chiều kim đồng hồ.

B. thuận chiều kim đồng hồ.

C. từ phải sang trái.

**D.** B và C

**Câu 5.** ADN là thuật ngữ viết tắt của

A. axit nucleic.

B. axit nucleotit.

**B.** axit đêoxiribonucleic.

D. axit ribonucleic.

**Câu 6.** Đơn phân của ADN là

**A.** nuclêôtit.

B. axit amin.

C. bazơ nitơ.

D. axit béo.

**Câu 7.** Mỗi nuclêôtit cấu tạo gồm

A. đường pentôzơ và nhóm photphát.

B. nhóm photphát và bazơ nitơ.

**C.** đường pentôzơ, nhóm photphát và bazơ nitơ.

D. đường pentôzơ và bazơ nitơ.

**Câu 8.** ADN là một đại phân tử cấu tạo theo nguyên tắc đa phân, đơn phân là 4 loại

A. ribonucleotit ( A,T,G,X ).

**B.** nucleotit ( A,T,G,X ).

C. ribonucleotit (A,U,G,X ).

D. nuclcotit ( A, U, G, X).

**Câu 9.** Hai chuỗi pôlinuclêôtit của ADN liên kết với nhau bởi liên kết

**A.** hydro.

B. peptit.

C. ion.

D. cộng hoá trị.

**Câu 10.** Loại phân tử có chức năng truyền thông tin từ ADN tới riboxom và được dùng như khuôn tổng hợp nên protein là

A. AND.

B. rARN.

**C.** mARN.

D. tARN.

**Câu 11.** Loại ARN được dùng là khuôn để tổng hợp prôtêin là

**A.** mARN.

C. rARN.

D. cả A, B và C.

**Câu 12.** Các phân tử ARN được tổng hợp nhờ quá trình

A. Tụ sao.

**B.** Sao mã.

C. Giải mã.

D. Phân bào.

**7. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 7**  
**TRƯỜNG THPT HỒNG THÁI**  
**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**  
**MÔN SINH HỌC 10**  
**Năm học 2020-2021**

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

**Câu 1.** Chất hữu cơ có đặc tính kỵ nước là

A. prôtit.

**B.** lipit.

C. gluxit.

D. cả A,B và C.

**Câu 2.** Một phân tử mỡ bao gồm

A. 1 phân tử glxêrôl với 1 axit béo

**B.** 1 phân tử glxêrôl với 2 axit béo.

C. 1 phân tử glxêrôl với 3 axit béo.

D. 3 phân tử glxêrôl với 3 axit béo.

**Câu 3.** Chức năng chính của mỡ là

**A.** dự trữ năng lượng cho tế bào và cơ thể.

B. thành phần chính cấu tạo nên màng sinh chất.

C. thành phần cấu tạo nên một số loại hoocmôn.

D. thành phần cấu tạo nên các bào quan.

**Câu 4.** Phốtpho lipit cấu tạo bởi

**A.** 1 phân tử glixêrin liên kết với 2 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.

B. 2 phân tử glixêrin liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.

C. 1 phân tử glixêrin liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.

D. 3 phân tử glixêrin liên kết với 1 phân tử axit béo và 1 nhóm phốt phat.

**Câu 5.** Trong cơ thể sống các chất có đặc tính chung kỵ nước như

A. tinh bột, glucozơ, mỡ, fructôzơ.

B. mỡ, xenlulôzơ, phốtpholipit, tinh bột.

**C.** sắc tố, vitamin, sterôit, phốtpholipit, mỡ.

D. Vitamin, sterôit, glucozơ, cacbohidrát.

**Câu 6.** Trong tế bào loại chất chứa 1 đầu phân cực và đuôi không phân cực là

A. lipit trung tính.

B. sáp.

**C.** phốtpholipit.

D. triglycerit.

**Câu 7.** Đơn phân của prôtêin là

A. glucôzơ.

**B.** axit amin.

C. nuclêôtit.

D. axit béo.

**Câu 8.** Trình tự sắp xếp đặc thù của các axit amin trong chuỗi pôlipeptit tạo nên prôtêin có cấu trúc

**A.** bậc 1.

B. bậc 2.

C. bậc 3.

D. bậc 4.

**Câu 9.** Các loại prôtêin khác nhau được phân biệt nhau bởi

A. số lượng, thành phần và trật tự sắp xếp các axit amin.

A. số lượng, thành phần axit amin và cấu trúc không gian.

**C.** số lượng, thành phần, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.

D. số lượng, trật tự sắp xếp các axit amin và cấu trúc không gian.

**Câu 10.** Chức năng không có ở prôtêin là

A. cấu trúc.

B. xúc tác quá trình trao đổi chất.

C. điều hoà quá trình trao đổi chất.

**D.** truyền đạt thông tin di truyền.

**Câu 11.** Trong phân tử prôtêin, các axit amin đã liên kết với nhau bằng liên kết

**A.** peptit.

B. ion.

C. hydro.

D. cộng hoá trị.

**Câu 12.** Loại phân tử hữu cơ có cấu trúc và chức năng đa dạng nhất là

**A.** protein.

B. cacbonhidrat.

C. axit nucleic.

D. lipit.

## **8. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 8**



**TRƯỜNG THPT VÕ NGUYỄN GIÁP**  
**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**  
**MÔN SINH HỌC 10**  
**Năm học 2020-2021**

**Câu 1:** Nêu vai trò của các nguyên tố đa lượng và vi lượng đối với sự sống của sinh vật?

**Câu 2:** Tại sao trâu và bò đều ăn cỏ nhưng thịt trâu lại khác thịt bò?

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1:**

- Vai trò nguyên tố đa lượng:

+ Các nguyên tố đa lượng ( C, H, O) chiếm tới 96% khối lượng cơ thể sống

+ Các nguyên tố đa lượng tạo nên các đại phân tử hữu cơ: protein, lipit, cacbonhidrat, axit nucleic là những chất hóa học tạo nên cơ thể sống

- Vai trò các nguyên tố vi lượng

+ Ảnh hưởng đến hoạt động của các loại hooc môn

+ Là một trong những thành phần cấu tạo của enzyme và xúc tác hoạt động của enzyme

**Câu 2:**

Trâu và bò đều ăn cỏ nhưng thịt trâu lại khác thịt bò vì: ADN của trâu khác ADN của bò nên mặc dù nguyên liệu aa được lấy từ cỏ có thể giống nhau. Nhưng dưới khuôn mẫu tổng hợp của gen ở trâu khác ở bò dẫn tới protein trâu khác protein bò.

**9. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 9**

**TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG**  
**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**  
**MÔN SINH HỌC 10**  
**Năm học 2020-2021**

**Câu 1:** Tại sao nói hệ sống là hệ thống toàn vẹn được tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc, có khả năng tự điều chỉnh và ổn định

**Câu 2:** Em phải làm gì để bảo tồn đa dạng sinh vật?

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1:**

- Hệ thống mở: Sinh vật ở mọi tổ chức đều không ngừng trao đổi vật chất và năng lượng với môi trường và sinh vật không chỉ chịu sự tác động của môi trường mà còn góp phần làm biến đổi môi trường.

- Mọi cấp độ tổ chức từ sống đến cao đều có các cơ chế tự điều chỉnh để đảm bảo duy trì và điều hòa sự cân bằng trong hệ thống => hệ thống cân bằng và phát triển.
- Ví dụ: khi trời nắng nóng, nhiệt độ môi trường tăng cao dẫn đến nhiệt độ cơ thể nóng lên, cơ thể sẽ tự điều chỉnh nhiệt độ cơ thể bằng cách: Lỗ chân lông mở ra thoát hơi nước (đổ mồ hôi) đồng thời tim đập nhanh hơn và thở mạnh hơn để nhiệt độ cơ thể được điều hòa.

**Câu 2:**

- Các biện pháp ngăn chặn phá rừng để bảo vệ môi trường sống cho thực vật.
- + Hạn chế khai thác bừa bãi các loại thực vật quý hiếm để bảo vệ số lượng cá thể của loài.
- + Xây dựng các vườn thực vật, vườn quốc gia, khu bảo tồn... để bảo vệ các loài thực vật, trong đó có thực vật quý hiếm.
- + Tuyên truyền giáo dục rộng rãi trong nhân dân để cùng tham gia bảo vệ rừng..
- Liên hệ bản thân em có thể làm được gì trong việc bảo vệ thực vật ở địa phương?
- + Tuân theo các biện pháp và tuyên truyền các biện pháp này cho người thân, hàng xóm để bảo vệ sự đa dạng thực vật ở địa phương.
- + Tham gia bảo vệ, chăm sóc và trồng cây xanh ở trường, địa phương.
- + Tham gia các hoạt động trồng cây gây rừng ở địa phương.

**10. Đề kiểm tra 15 phút HK1 môn Sinh học 10 - Số 10**  
**TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG**  
**ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT HK1**  
**MÔN SINH HỌC 10**  
**Năm học 2020-2021**

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất:

**Câu 1.** Các tiêu chí cơ bản của hệ thống 5 giới bao gồm

- A. khả năng di chuyển, cấu tạo cơ thể, kiểu dinh dưỡng .
- B.** loại tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, kiểu dinh dưỡng.
- C. cấu tạo tế bào, khả năng vận động, mức độ tổ chức cơ thể.
- D. trình tự các nuclêotit, mức độ tổ chức cơ thể.

**Câu 2.** Trong các nguyên tố sau, nguyên tố chiếm số lượng ít nhất trong cơ thể người là

- A. ni tơ.
- B. các bon.
- C. hiđrô.
- D.** phốt pho.

**Câu 3.** Giới nguyên sinh bao gồm

- A. vi sinh vật, động vật nguyên sinh.
- B. vi sinh vật, tảo, nấm, động vật nguyên sinh .
- C. tảo, nấm, động vật nguyên sinh.
- D.** tảo, nấm nhày, động vật nguyên sinh

**Câu 4.** Đơn vị tổ chức cơ sở của mọi sinh vật là

- A. các đại phân tử.
- B.** tế bào.
- C. mô.
- D. cơ quan

**Câu 5.** Nước là dung môi hoà tan nhiều chất trong cơ thể sống vì chúng có

- A. nhiệt dung riêng cao.
- B. lực gắn kết.
- C. nhiệt bay hơi cao.
- D.** tính phân cực.

**Câu 6.** Nước có tính phân cực do

- A. cấu tạo từ oxi và hiđrô.
- B. electron của hiđrô yếu.
- C.** 2 đầu có tích điện trái dấu.
- D. các liên kết hiđrô luôn bền vững

**Câu 7.** Giới khởi sinh gồm

- A. virut và vi khuẩn lam.
- B. nấm và vi khuẩn.
- C.** vi khuẩn và vi khuẩn lam.
- D. tảo và vi khuẩn lam.

**Câu 8.** Ngành thực vật có thể giao tử chiếm ưu thế so với thể bào tử là ngành

- A.** Rêu.
- B. Quyết.
- C. Hạt trần
- D. Hạt kín.

**Câu 9.** Sự sống được tiếp diễn liên tục là nhờ

- A. khả năng cảm ứng đặc biệt của sinh vật.
- B. khả năng tự điều chỉnh cân bằng nội môi.
- C. khả năng tiến hoá thích nghi với môi trường sống.
- D.** sự truyền thông tin trên ADN từ tế bào này sang tế bào khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác.

**Câu 10.** Tập hợp các sinh vật sống ở rừng Quốc gia Cúc Phương là

- A. quần thể sinh vật.
- B. cá thể sinh vật.
- C. cá thể và quần thể.
- D.** quần xã sinh vật.

**Câu 11.** Fructôzơ là 1 loại

- A. pôliasaccarit.
- B. đường pentôzơ.
- C. đisaccarit.
- D. đường hecxôzơ.

**Câu 12.** Thành tế bào thực vật được hình thành bởi sự liên kết giữa

- A. các phân tử xenlulôzơ với nhau.
- B. các đơn phân glucôzơ với nhau.
- C.** các vi sợi xenlucôzơ với nhau.
- D. các phân tử fructôzơ